

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 18-01-2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Ông Đoàn Văn Lắm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: Số ** L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Hiền T – Trưởng phòng Thu hồi nợ pháp lý kiêm Quản lý Pháp chế cho Phòng An ninh và Phòng Kiểm soát gian lận – Trung tâm Thu hồi nợ - Khối Tín dụng Tiêu dùng – Ngân hàng T.

Ông T ủy quyền cho anh Dương Hồng H, sinh năm 1990, địa chỉ: Số **/*, đường M, phường *, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Chức vụ: Nhân viên (theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2017), có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phương Q, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp Tân L, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2017 của ông Lê Hiền T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; anh Dương Hồng H là người được ông T ủy quyền lại trình bày:

Vào ngày 05/01/2014, anh Nguyễn Phương Q có ký hợp đồng tín dụng số 20140105-115018-0002 với Ngân hàng T vay số tiền 19.950.000 đồng, với lãi

suất là 4,59%/01 tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, anh Q có trách nhiệm thanh toán số tiền 35.203.926 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 27 tháng (26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.303.850 đồng, tháng cuối cùng trả 1.303.826 đồng). Thanh toán vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/02/2014.

Thực hiện hợp đồng, anh Q đã nhận đủ số tiền 19.000.000 đồng, số tiền 950.000 đồng anh Q sử dụng để mua bảo hiểm đảm bảo số tiền vay khi anh Q mất tích hoặc tử vong hoặc bị thương tật không thanh toán được thì bảo hiểm sẽ thanh toán số tiền vay này. Anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng 10 lần với số tiền 14.216.000 đồng, thanh toán không liên tục từng tháng như đã thỏa thuận. Từ ngày 29/8/2017, anh Q không thanh toán bất cứ khoản tiền nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phương Q phải thanh toán toàn bộ khoản nợ vay tới hạn là 20.987.926 đồng, trong đó: nợ gốc tới hạn là 9.287.218 đồng và lãi tới hạn là 11.700.708 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2017, bị đơn anh Nguyễn Phương Q trình bày.

Vào ngày 05/01/2014, anh có ký với Ngân hàng T hợp đồng tín dụng số 20140105-115018-0002 vay số tiền 19.950.000 đồng, với lãi suất là 4,59%/01 tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng, anh có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 35.203.926 đồng (gồm cả gốc và lãi) trong thời hạn 27 tháng (26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.303.850 đồng, tháng cuối cùng trả 1.303.826 đồng). Thanh toán vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/02/2014. Anh không nhớ rõ tổng số tiền anh đã trả cho Ngân hàng, từ ngày 29/8/2017 đến nay anh ngừng trả tiền cho Ngân hàng do anh bị bệnh mổ ruột thừa, sức khỏe chưa hồi phục không thể làm việc nặng. Hiện anh còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 9.287.218 đồng, về số tiền lãi anh còn nợ Ngân hàng anh không nhớ rõ. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T thì anh đồng ý hoàn trả số tiền nợ gốc 9.287.218 đồng, anh có thắc mắc về tiền lãi nhưng anh không nhớ số tiền cụ thể anh đã đóng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật cụ thể vắng mặt vào các lần mời của Tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Phương Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền vốn vay là 20.987.926 đồng, trong đó: nợ gốc tới hạn là 9.287.218 đồng và lãi tới hạn là 11.700.708 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Phương Q phải hoàn trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 20140105-115018-0002 ngày 05/01/2014. Theo xác nhận hộ khẩu ngày 13/10/2017, xác định bị đơn anh Nguyễn Phương Q có đăng ký hộ khẩu tại ấp Tân L, xã K, huyện Mỏ Cày B, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống, có mặt tại địa phương. Anh Nguyễn Phương Q vay tiền của Ngân hàng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Do đó, đây là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Đối với bị đơn anh Nguyễn Phương Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp.

[2] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phương Q phải hoàn trả số tiền nợ gốc 9.287.218 đồng. Bị đơn anh Nguyễn Phương Q thừa nhận vào ngày 05/01/2014, anh có ký với Ngân hàng T hợp đồng tín dụng số 20140105-115018-0002 vay số tiền 19.950.000 đồng, với lãi suất là 4,59%/01 tháng để tiêu dùng cá nhân. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là chứng cứ không phải chứng minh nên có cơ sở xác định anh Q có vay của Ngân hàng T số tiền 19.950.000 đồng và anh Q phải có nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Ngân hàng cho rằng anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng 10 lần với số tiền 14.216.000 đồng và từ ngày 29/8/2017 anh Q không thanh toán bất cứ khoản tiền nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2017, anh Q trình bày anh không nhớ rõ tổng số tiền anh đã trả cho Ngân hàng nhưng anh xác định từ ngày 29/8/2017 đến nay anh ngừng trả tiền cho Ngân hàng và số tiền nợ gốc anh còn nợ Ngân hàng là 9.287.218 đồng. Vì vậy, buộc anh Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 9.287.218 đồng là phù hợp.

[3] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Phương Q phải hoàn trả số tiền lãi tới hạn là 11.700.708 đồng. Anh Q cho rằng anh thắc mắc về số tiền lãi này nhưng anh không nhớ số tiền lãi anh đã đóng là bao nhiêu nên anh không đưa được ý kiến về yêu cầu tiền lãi của Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng số 20140105-115018-0002 ngày 05/01/2014, anh Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 35.203.926 đồng (gồm cả gốc và lãi) trong thời hạn 27 tháng (26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.303.850 đồng, tháng cuối cùng trả 1.303.826 đồng). Do anh Q không xác định được số tiền anh đã thanh toán cho Ngân hàng là bao nhiêu và Ngân hàng cho rằng anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.216.000 đồng nên xác định số tiền anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng bao gồm gốc và lãi là 14.216.000 đồng, còn nợ lại 20.987.926 đồng, trong đó số tiền nợ gốc anh Q thừa nhận còn nợ Ngân hàng là 9.287.218 đồng nên xác định số tiền lãi tới hạn anh Q còn nợ Ngân hàng là 11.700.708 đồng. Vì

vậy, buộc anh Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi đến hạn là 11.700.708 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là: $20.987.926 \text{ đồng} \times 5\% = 1.049.000 \text{ đồng}$.

[5] Từ những nhận định nêu trên xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T với anh Nguyễn Phương Q về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc anh Nguyễn Phương Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 20140105-115018-0002 ngày 05/01/2014 là 20.987.926 đồng, trong đó nợ gốc là 9.287.218 đồng và lãi tới hạn là 11.700.708 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Phương Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.049.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 525.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008834 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Án phí được sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang